I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về các đơn vị đo khối lượng

2. Kĩ năng

- Chuyển đổi được số đo khối lượng.
- Thực hiện được phép tính với số đo khối lượng.

3. Thái độ

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4. Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả bài tập

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Bút, sách

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Khởi động:*(3p)* *+ Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.* - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét *+ 2 đơn vị đo khối lượng liền kề hơn kém nhau 10 lần*
2. HĐ thực hành (35p) *** Mục tiêu:** - Chuyển đổi được số đo khối lượng. - Thực hiện được phép tính với số đo khối lượng. *** Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp**	
Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm - Nhận xét, chốt đáp án đúng. ***KL:** Củng cố cách đổi các đơn vị đo khối lượng. ***Bài 2:*** Viết số thích hợp vào chỗ chấm - Chia sẻ, nhận xét, chốt đáp án. - Củng cố cách đổi số đo có 2 đơn vị đo về số đo có một đơn vị đo	**Cá nhân – Lớp** Đáp án: 1 yến = 10 kg 1 tạ = 10 yến 1 tạ = 100 kg 1 tấn = 10 tạ 1 tấn = 1000 kg 1 tấn = 100 yến **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** Đáp án: 10 yến = 100 kg $\frac{1}{2}$ yến = 5 kg 50 kg = 5 yến 1 yến 8 kg = 18 kg 5 tạ = 50 yến 1500 kg = 15 tạ 30 yến = 3 tạ 7 tạ 20 kg = 720 kg

	32 tấn = 320 tạ 3 tấn 25 kg = 3025 kg
Bài 4: **-** Gọi 1 HS đọc đề bài trước lớp, cả lớp đọc thầm. *+ Để tính được cả con cá và mớ rau nặng bao nhiêu ki- lô- gam ta làm như thế nào?* - Nhận xét, chốt đáp án đúng.	**Cá nhân – Lớp** *+ Ta phải đổi cân nặng của con cá và mớ rau về cùng một đơn vị đo rồi tính tổng hai cân nặng.* ***Bài giải*** 1 kg 700 g = 1700 g Cả con cá và mớ rau nặng là: 1700 + 300 = 2000 (g) 2000 g = 2 kg Đáp số: 2 kg
Bài 3 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm) - Củng cố cách so sánh các đơn vị đo khối lượng	- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp ***Bài 3:** Đáp án: 2kg 7hg = 2700g 60kg7g > 6007g 5kg 3g < 5035g 12 500g = 12kg 500g ***Bài 5:** Xe ô tô chở được tất cả là: 50 x 32 = 1600 (kg) 1600 kg = 16 tạ Đ/s: 16 tạ gạo
3. HĐ ứng dụng (1p) **4. HĐ sáng tạo** (1p)	- Chữa lại các phần bài tập làm sai. - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

:.....

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

MIÊU TẢ CON VẬT (KIỂM TRA VIẾT)

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực.

2. Kĩ năng

- Rèn kĩ năng dùng từ đặt câu trong bài văn miêu tả

3. Thái độ

- Có ý thức học tập tích cực, nghiêm túc

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh, ảnh minh họa một số con vật.
- HS: Vở, bút để làm bài KT

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, luyện tập - thực hành
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(*5p)* *+ Nêu cấu tạo bài văn miêu tả con vật* *+ Mỗi phần của bài văn cần có những nội dung gì?* - *GV* dẫn vào bài học	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét *+ Gồm 3 phần: MB, TB, KB* *+ MB: Giới thiệu con vật sẽ tả,....*
2. HĐ thực hành *(30p)* *** Mục tiêu:** Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực. *** Cách tiến hành: Cá nhân- Lớp**	
- GV chép 4 đề bài như gợi ý SGK - GV cho HS quan sát tranh, ảnh phóng to về các con vật - Yêu cầu HS tự viết bài - Thu bài – Nhận xét chung **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	- HS đọc đề, chọn đề bài - Quan sát tranh ảnh các con vật - HS viết bài cá nhân vào vở - Hoàn thành bài viết và sáng tạo thêm các chi tiết miêu tả

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

ĐỘNG VẬT TRAO ĐỔI CHẤT NHƯ THẾ NÀO? (T2)

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

1. Kiến thức

- Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

2. Kĩ năng

- Thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ.

3. Thái độ

- HS học tập nghiêm túc, tích cực.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

**** KNS:***

- Bình luận, khái quát, tổng hợp các thông tin để biết mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên rất đa dạng

- Phân tích, phán đoán và hoàn thành 1 sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên

- Đảm nhận trách nhiệm xây dựng kế hoạch và kiên định thực hiện kế hoạch cho bản thân để ngăn chặn các hành vi phá vỡ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Hình minh họa trang 132, SGK phô tô theo nhóm.
  + Hình minh hoạ trang 133, SGK (phóng to).
- HS: Giấy A3 và bút dạ.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt đông của giáo viên	Hoạt đông của của học sinh
1, Khởi động ***(2p)*** *+ Nêu một số ví dụ về chuỗi thức ăn?* - Giới thiệu bài, ghi bảng.	- TBHT điều khiển lớp trả lời, nhận xét *+ Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, cáo chết xác bị phân huỷ và là thức ăn của cỏ.* .....
2. Bài mới: *(30p)* *** Mục tiêu:** - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên. - Thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa sinh vật này với sinh vật khác bằng sơ đồ *** Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp**	
HĐ1: ***Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật với nhau, giữa sinh vật với yếu***	**Nhóm 4 – Lớp**

tố vô sinh:	
- Chia nhóm, mỗi nhóm gồm 4 HS và phát phiếu có hình minh họa trang 132, SGK cho từng nhóm.	
- Gọi 1 HS đọc yêu cầu trong phiếu (Dựa vào hình 1 để xây dựng sơ đồ (bằng chữ và mũi tên) chỉ ra mối quan hệ qua lại giữa cỏ và bò trong một bãi chăn thả bò).	- Hoàn thành sơ đồ bằng mũi tên và chữ, nhóm trưởng điều khiển các bạn lần lượt giải thích sơ đồ.
- Yêu cầu HS hoàn thành phiếu sau đó viết lại sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ bằng chữ và giải thích sơ đồ đó. GV đi giúp đỡ các nhóm để đảm bảo HS nào cũng được tham gia.	
- Gọi các nhóm trình bày. Yêu cầu các nhóm khác theo dõi và bổ sung.	- Đại diện của 4 nhóm lên trình bày.
- Nhận xét sơ đồ, giải thích sơ đồ của từng nhóm.	- Trao đổi và tiếp nối nhau trả lời.
+ Thức ăn của bò là gì?	*+ Là cỏ.*
+ Giữa cỏ và bò có quan hệ gì?	*+ Quan hệ thức ăn, cỏ là thức ăn của bò.*
+ Trong quá trình sống bò thải ra môi trường cái gì? Cái đó có cần thiết cho sự phát triển của cỏ không?	*+ Bò thải ra môi trường phân và nước tiểu cần thiết cho sự phát triển của cỏ.*
+ Nhờ đâu mà phân bò được phân huỷ?	*+ Nhờ các vi khuẩn mà phân bò được phân huỷ.*
+ Phân bò phân huỷ tạo thành chất gì cung cấp cho cỏ?	*+ Phân bò phân huỷ thành các chất khoáng cần thiết cho cỏ. Trong quá trình phân huỷ, phân bò còn tạo ra nhiều khí các- bô- níc cần thiết cho đời sống của cỏ.*
+ Giữa phân bò và cỏ có mối quan hệ gì?	*+ Quan hệ thức ăn. Phân bò là thức ăn của cỏ.*
- Viết sơ đồ lên bảng: Phân bò → Cỏ → Bò.	
+ Trong mối quan hệ giữa phân bò, cỏ, bò đâu là yếu tố vô sinh, đâu là yếu tố hữu sinh?	*+ Chất khoáng do phân bò phân hủy để nuôi cỏ là yếu tố vô sinh, cỏ và bò là yếu tố hữu sinh.*
- Vừa chỉ vào hình minh họa, sơ đồ bằng chữ và giảng: ***Cỏ là thức ăn của bò, trong quá trình trao đổi chất, bò thải ra môi trường phân. Phân bò thải ra được các vi khuẩn phân hủy trong đất tạo thành các chất khoáng. Các chất***	- Quan sát, lắng nghe.

khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ.	
HĐ2: ***Chuỗi thức ăn trong tự nhiên:*** - Tổ chức cho HS hoạt động theo cặp. - Yêu cầu: Quan sát hình minh họa trang 133, SGK, trao đổi và trả lời câu hỏi.	**Nhóm 2 – Lớp**
+ Hãy kể tên những gì được vẽ trong sơ đồ?	*+ Hình vẽ cỏ, thỏ, cáo, sự phân hủy xác chết động vật nhờ vi khuẩn.*
+ Sơ đồ trang 133, SGK thể hiện gì?	*+ Thể hiện mối quan hệ về thức ăn trong tự nhiên.*
+ Chỉ và nói rõ mối quan hệ về thức ăn trong sơ đồ?	*+ Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo được vi khuẩn phân hủy thành chất khoáng, chất khoáng này được rễ cỏ hút để nuôi cây.*
- GV: ***Đây là sơ đồ về một trong các chuỗi thức ăn trong tự nhiên: Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo là thức ăn của nhóm vi khuẩn ngoại sinh. Nhờ có nhóm vi khuẩn ngoại sinh mà các xác chết hữu cơ trở thành các chất khoáng (chất vô cơ). Những chất khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ và các cây khác. Người ta gọi những mối quan hệ về thức ăn trong tự nhiên là chuỗi thức ăn. Chuỗi thức ăn là một dãy bao gồm nhiều sinh vật, mỗi loài là một mắc xích thức ăn, mỗi "mắc xích" thức ăn tiêu thụ mắt xích ở phía trước nó bị mắc xích ở phía sau tiêu thụ.***	- Quan sát, lắng nghe.
+ Thế nào là chuỗi thức ăn?	*+ Chuỗi thức ăn là mối quan hệ về thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Sinh vật này ăn sinh vật kia và chính nó lại là thức ăn cho sinh vật khác.*
+ Theo em, chuỗi thức ăn bắt đầu từ sinh vật nào?	*+ Từ thực vật.*
- ***Kết luận***: ***Trong tự nhiên có rất nhiều chuỗi thức ăn, các chuỗi thức ăn thường bắt đầu từ thực vật. Thông qua chuỗi thức ăn, các yếu tố vô sinh và hữu sinh liên hệ mật thiết với nhau thành một chuỗi khép kín.***	- Lắng nghe.
3. Hoạt động ứng dụng (1p) 4. **Hoạt động sáng tạo** (1p)	- Nêu ví dụ về chuỗi thức ăn - Vẽ và trang trí một chuỗi thức ăn và trưng bày tại góc học tập

Thứ sáu ngày 18 tháng 4 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ MỤC ĐÍCH CHO CÂU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết cách thêm trạng ngữ cho câu

2. Kĩ năng

- Tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì - BT1, BT2 mục III)
- Thêm được CN, VN để hoàn chỉnh câu đã cho sẵn trạng ngữ.

Thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

** ĐCND:* ***Không dạy phần Nhận xét, không dạy phần Ghi nhớ. Phần Luyện tập chỉ yêu cầu tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì)***

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút dạ

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...
- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động *(3p)* *+ Đặt 1 câu có trạng ngữ bắt đầu bằng Nhờ..., Vì...., Do...., Tại....,và đặt câu hỏi cho trạng ngữ đó* - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. + VD: *Nhờ bác lao công*, sân trường luôn sạch sẽ. => *Nhờ đâu,* sân trường luôn sạch sẽ?
2. HĐ thực hành *(35p)* *** Mục tiêu:** - Tìm hoặc thêm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì - BT1, BT2 mục III). - Thêm được CN, VN để hoàn chỉnh câu cho trước trạng ngữ**.** *** Cách tiến hành:**	
Bài tập 1: Chỉ yêu cầu tìm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì) - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng. - Lưu ý: TN thường đứng đầu câu và ngăn cách với CN và VN bởi dấu phẩy *+ Trạng ngữ trong các câu trên trả lời*	**Cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp** <u>Đáp án:</u> *a. Để tiêm phòng dịch cho trẻ em,* tỉnh … *b. Vì Tổ quốc***,** thiếu niên sẵn sàng! c. *Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS*, các trường... + Trả lời cho câu hỏi: *Để làm gì?, Vì cái*

cho câu hỏi gì? *+ Hãy đặt câu có trạng ngữ trả lời cho câu hỏi Để làm gì* **Bài tập 2:** Chỉ y/ c thêm trạng ngữ thích hợp - GV chốt đáp án **Bài tập 3:** - GV nhận xét và khen những HS thêm được CN và VN hay, phù hợp nội dung đoạn văn **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	*gì?, Nhằm mục đích gì?* *+ VD: Để có thành tích tốt, đội bóng cần chăm chỉ tập luyện* **Cá nhân – Lớp** <u>Đáp án:</u> a. *Để lấy nước tưới cho đồng ruộng***,** xã em vừa đào một con mương. b. *Để cô vui lòng,* chúng em … c. *Để có sức khỏe***,** em phải … **Nhóm 2 – Lớp** <u>Đáp án:</u> a/ Để mài cho răng mòn đi***, chuột gặm các đồ vật cứng*** b/Để tìm kiếm thức ăn***, chúng dùng cái mũi và mồm đặc biệt đó dũi đất***. - Ghi nhớ cách thêm trạng ngữ cho câu - Tìm hiểu về các loại trạng ngữ khác của câu.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

<u>TOÁN</u>

Tiết 165: ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tt)

<u>I. MỤC TIÊU</u>

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về đại lượng thời gian

2. Kĩ năng

- Chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian.
- Thực hiện được phép tính với số đo thời gian.

3. Thái độ

- Tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4. KK HS năng khiếu hoàn thành tất cả các bài tập.

<u>II. CHUẨN BỊ:</u>

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật
- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Khởi động:*(3p)* - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận đông tại chỗ
2. HĐ thực hành (35p) *** Mục tiêu:** - Chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian. - Thực hiện được phép tính với số đo thời gian. *** Cách tiến hành:**	
Bài 1 - Gọi HS đọc và nêu YC của BT. - GV nhận xét, chốt KQ đúng; khen ngợi/động viên. *+ Em đổi 1 giờ = 3 600 giây bằng cách nào?* *+ Tại sao năm nhuận có 366 ngày?* * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2	**Cá nhân – Lớp** <u>Đáp án:</u> 1 giờ = 60 phút 1 năm = 12 tháng 1 phút = 60 giây 1 thế kỉ = 100 năm 1 giờ = 3600 giây; 1năm không nhuận = 365 ngày 1 năm nhuận = 366 ngày *+ Đổi 1 giờ thành 60 phút, lấy 60 nhân 60 được 3 600 giây* *+ Vì tháng 2 của năm nhuận có 29 ngày trong khi năm thường chỉ có 28 ngày*
Bài 2: - Chốt đáp án, chốt cách đổi *+ Em đổi 1/12 giờ = 5 phút như thế nào?*	**Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** <u>Đáp án:</u> 5 giờ = 300 phút; 3 giờ 15 phút = 195 phút 420 giây = 7 phút 1/12 giờ = 5 phút 4 phút = 240 giây; 3 phút 25 giây = 205 giây 2 giờ = 7200 giây 5 thế kỉ = 500 năm 12 thế kỉ = 1200 năm; 2000 năm = 20 thế kỉ *+ Lấy 60 nhân với 1/2*
Bài 4 - Yêu cầu HS đọc bảng thống kê một số hoạt động của bạn Hà. *+ Hà ăn sáng trong bao nhiêu phút ?* *+ Buổi sáng Hà ở trường trong bao lâu ?* - Nhận xét câu trả lời của HS, có thể dùng mặt đồng hồ quay được các kim và cho HS kể về các hoạt động	**Cá nhân – Lớp** - 1 HS đọc + Thời gian Hà ăn sáng là: 7 giờ – 6 giờ 30 phút = 30 phút + Thời gian Hà ở trường buổi sáng là: 11 giờ 30 phút – 7 giờ 30 phút = 4 giờ